TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2020/QĐPT-VDS

Bắc Kạn, ngày 27 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà **Đàm Thị Minh Hường**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Hoàng Hữu Truyền**

2. Bà **Hoàng Thị Thu Hường**

Thư ký phiên họp: Bà **Hoàng Thị Thúy Loan** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên họp: Bà **Hoàng Ánh Dương**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn mở phiên họp phúc thẩm công khai việc dân sự thụ lý số: 01/2020/TLPT-VDS ngày 19 tháng 2 năm 2020 về việc: *"Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu"*.

Do Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2020/QĐST-VDS ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2020/QĐPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nông Thị L, sinh năm 1987

Trú tại: Thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Trần Văn N. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn C (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Bắc Kạn

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn.

Địa chỉ: Số 16, đường T, phường Đ, TP B, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn L – Trưởng phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1960. Có mặt.

3. Ông Nông Văn D, sinh năm: 1982. Có mặt.

4. Bà Nông Thị L1, sinh năm: 1984. Vắng mặt.

Đều trú tại: Tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- *Người làm chứng:* Ông Dương Đức B. Địa chỉ: Tổ 17, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Nội dung vụ việc được tóm tắt như sau:

Theo đơn yêu cầu bà Nông Thị L trình bày:

Bà L là con gái của ông Nông Văn T và bà Nguyễn Thị Đ, bà sinh ra và lớn L1n chung sống với bố mẹ tại tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Từ năm 2012 bà thoát ly làm giáo viên công tác tại tỉnh Bình Phước cho đến nay. Khi còn ở với bố mẹ, toàn thể gia đình bà có một mảnh đất đã được UBND thị xã B cấp GCNQSDĐ số H03258, ngày 06/3/2007, mang tên chủ hộ Nông Văn T và bà Nguyễn Thị Đ. Ngày 23/12/2010 bố mẹ bà là ông T và bà Đ đã tự ý đem mảnh đất này thế chấp để bảo lãnh cho Công ty H của bà Nông Thị V vay tiền tại Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, nhưng các con là những thành viên trong gia đình không hề biết.

Ngày 17/3/2015 bố bà là ông Nông Văn T qua đời không để lại di chúc. Tại thời điểm mở thừa kế theo luật thì hàng thừa kế thứ nhất có 4 người gồm: vợ ông T là bà Nguyễn Thị Đ và các con đẻ gồm Nông Văn D, Nông Thị L1, Nông Thị L. Theo quy định của pháp luật thì phải chia di sản thừa kế làm 4 phần cho hàng thừa kế thứ nhất, nhưng mẹ bà là bà Nguyễn Thị Đ một phần thiếu hiểu biết, một phần do Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn thúc ép nên đã ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Nông Văn T, nhưng những người được hưởng thừa kế chỉ có bà Đ, ông D và bà L1. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản này được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn ký chứng nhận khi không có mặt bà L. Khi lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn, mẹ của bà có nói còn có con đẻ là Nông Thị L nhưng Phòng công chứng trả lời là bà L không có tên trong sổ hộ khẩu của gia đình nên không cần có mặt.

Theo nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thì ông D và bà L1 nhất trí tặng cho phần di sản của mình được hưởng cho bà Nguyễn Thị Đ. Sau đó bà Đ làm thủ tục đứng tên mảnh đất do bố của bà L là ông Nông Văn T để lại. Ngày 03/10/2017 bà Nguyễn Thị Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà Đ lại ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo khoản vay của Công ty TNHH Hoàng Tiến.

Nay bà L thấy việc thi hành công vụ của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn như vậy là thiếu trách nhiệm khi ký chứng nhận văn bản phân chia di sản lại thiếu người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà L. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Do vậy, bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản đã được công chứng số 616, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/6/2016 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn là vô hiệu.

Đại diện Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn trình bày ý kiến: Không nhất trí với yêu cầu của bà Nông Thị L về việc yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Bởi vì Công chứng viên công chứng văn bản phân chia di sản số 616, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/6/2016 đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đ, ông Nông Văn D, bà Nguyễn Thị L1 đều có ý kiến: Xác nhận ông Nông Văn T và bà Nguyễn Thị Đ có 03 người con đẻ là Nông Văn D, Nông Thị L1 và Nông Thị L. Các ông, bà đều được ký vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, nhưng trước khi ký vào vản bản thỏa thuận trên thì các ông, bà có nói với Công chứng

viên là ông T còn có thêm 01 người con đẻ nữa nhưng Công chứng viên Phòng Công chứng trả lời là bà L không có tên trong sổ hộ khẩu gia đình thì không cần phải có mặt. Do không hiểu biết về pháp luật nên các ông, bà đã tin tưởng và ký vào văn bản trên. Nay bà L yêu cầu văn bản thỏa phân chia di sản đã được công chứng số 616, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/6/2016 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn là vô hiệu, các ông, bà đều nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-VDS ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn căn cứ khoản 6 Điều 27, điểm a, khoản 2 Điều 35; điểm m khoản 2 Điều 39 và các Điều 367, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Quyết định:

Chấp nhận đơn yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu của bà Nông Thị L.

Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản giữa bà Nguyễn Thị Đ, ông Nông Văn D, bà Nguyễn Thị L1 được công chứng số 616, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/6/2016 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn là vô hiệu.

Ngoài ra án còn tuyên lệ phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 01 năm 2020 Phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn kháng cáo Quyết định sơ thẩm số 01/2020 ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn với nội dung: Không nhất trí với Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự của Tòa án nhân dân thành phố B, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm giải quyết:

1. Xem xét lại quyết định tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản giữa bà Nguyễn Thị Đ, ông Nông Văn D và bà Nông Thị L1 được công chứng số 616, quyển số 01 TP- SCC/HĐGD ngày 10/6/2016 là vô hiệu của Tòa án nhân dân thành phố B.

2. Xem xét lại tư cách tham gia tố tụng của ông Dương Đức B, sinh năm 1957, là công chứng viên chứng nhận Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế này.

Tại phiên họp phúc thẩm:

** Ông Cao Văn L – Trưởng Phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn trình bày:* Do Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 01/2020 ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B tuyên bố văn bản công chứng thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã được công chứng số 616, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/6/2016 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn là vô hiệu. Phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn không nhất trí vì việc công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản này đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục công chứng theo quy định của pháp luật nên giữ nguyên kháng cáo. Nếu tuyên bố văn bản công chứng thỏa thuận phân chia di sản thừa kế vô hiệu thì đề nghị giải quyết hậu quả của việc công chứng vô hiệu. Việc công chứng viên Dương Đức B tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là không đúng vì theo Điều 71/Luật công chứng nếu xác định quá trình thực hiện công chứng mà có lỗi của Công chứng viên thì Công chứng viên sẽ phải chịu trách nhiệm, do vậy đề nghị xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ việc này của ông Dương Đức B phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

** Ông Trần Văn N là người đại diện theo ủy quyền của bà Nông Thị L trình bày:* Việc công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thiếu người thừa kế là bà L nên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, vì vậy đề nghị Hội đồng xét việc phúc thẩm tuyên bố văn bản công chứng thỏa thuận phân chia di sản đã được công chứng số 616, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/6/2016 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn là vô hiệu. Tại Tòa án cấp sơ thẩm đã được giải thích việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và giải quyết hậu quả của việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu nhưng không lập thành văn bản, tại cấp phúc thẩm đã được giải thích lại và lập biên bản nhưng người khởi kiện không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

** Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nông Văn D và bà Nông Thị L1 trình bày:* Không nhất trí với kháng cáo của Phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn. Cùng nhất trí với đơn khởi kiện của bà Nông Thị L đề nghị tuyên bố văn bản công chứng thỏa thuận phân chia di sản đã được công chứng số 616, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/6/2016 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn là vô hiệu. Yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Đề nghị Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn trả lại đất đã thế chấp tại ngân hàng.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp phát biểu quan điểm:*

1- Về thủ tục tố tụng ở giai đoạn giải quyết việc phúc thẩm: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ việc đến trước khi nghị án tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2 - Về nội dung kháng cáo:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy, tại thời điểm yêu cầu công chứng những người yêu cầu công chứng là bà Đ, ông D và bà L1 không cung cấp bất cứ giấy tờ gì chứng minh bà L là con đẻ của ông T. Như vậy, người yêu cầu công chứng đã kê khai không trung thực, cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà L, điều này còn thể hiện tại nội dung cam kết trong văn bản thỏa thuận phân di sản.

Về phía Phòng công chứng số 1, khi tiến hành việc công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản cũng còn có một số sai sót như: Nội dung thông báo về việc khai nhận di sản ngày 24/5/2016 được niêm yết công khai tại UBND phường Đ, thành phố B sai về tên của người để lại di sản (ông Nguyễn Văn Kh chứ không phải ông Nông Văn T); khi thực hiện việc công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, công chứng viên đã không xem xét kỹ các tài liệu liên quan do người yêu cầu công chứng cung cấp như còn có sự mâu thuẫn về thời điểm hình thành tài sản của người để lại di sản và thời điểm cấp sổ hộ khẩu của người yêu cầu công chứng.

Từ việc người yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản không cung cấp thông tin tài liệu đầy đủ đúng sự thật và việc công chứng viên tiến hành công chứng nhưng chưa xem xét kiểm tra kỹ các tài liệu có liên quan trước khi ghi lời chứng, dẫn đến việc bỏ sót người thừa kế và khi phân chia di sản không có phần của bà L.

Như vậy, xét về thủ tục và nội dung của văn bản thỏa thuận phân chia di sản đã được công chứng ngày 10/6/2016 là vô hiệu cả về hình thức lẫn nội dung. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm Quyết định chấp nhận yêu cầu của bà L và tuyên văn bản công chứng vô hiệu là có cơ sở.

Trong quá trình giải việc dân sự người yêu cầu bà Nông Thị L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Đ, ông D và bà L1 khẳng định khi lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Bắc Kạn, đã nói với công chứng viên còn có con đẻ là Nông Thị L nhưng Phòng công chứng trả lời là bà L không có tên trong sổ hộ khẩu của gia đình thì không cần phải có mặt. Phía Phòng công chứng số 1 cho rằng việc công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản đã thực hiện đúng quy định. Như vậy quá trình giải quyết việc dân sự có tranh chấp về hoạt động công chứng. Do đó yêu cầu của bà L tòa án sơ thẩm phải giải quyết theo thủ tục vụ án dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 11 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì mới đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự được pháp luật bảo vệ. Mặt khác tòa án sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng không giải quyết về hậu quả của việc công chứng vô hiệu dẫn đến ảnh hưởng nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và những người liên quan đến văn bản công chứng vô hiệu này và là trái với quy định tại Điều 400 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với kháng cáo xem xét lại tư cách tham gia tố tụng của ông Dương Đức B:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy tại thời điểm Phòng công chứng số 1 công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 616 ngày 10/6/2016 là do công chứng viên Dương Đức B thực hiện việc công chứng văn bản này. Do quyết định sơ thẩm có vi phạm, đối với yêu cầu này tòa án sẽ xem xét tư cách tham gia tố tụng của ông B khi thụ lý giải quyết lại ở vụ án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viển kiểm sát tại Phiên họp. Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Kháng cáo của Phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn về việc đề nghị xem xét lại quyết định tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản giữa bà Nguyễn Thị Đ, ông Nông Văn D và bà Nông Thị L1 được công chứng số 616, quyển số 01 TP- SCC/HĐGD ngày 10/6/2016 là vô hiệu của Tòa án nhân dân thành phố B. Hội đồng phiên họp phúc thẩm thấy:

Ngày 10/6/2016 Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản giữa bà Nguyễn Thị Đ, ông Nông Văn D, bà Nguyễn Thị L1 tại văn bản công chứng số 616, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD. Theo đó di sản của người để lại di sản là ông Nông Văn T (đã chết năm 2015) được để lại cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất là vợ và con đẻ của ông T bao gồm: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nông Văn D và bà Nông Thị L1. Sau khi văn bản thỏa thuận phân chia di sản được công chứng, bà Nông Thị L có yêu cầu tuyên văn

bản công chứng vô hiệu do xác định bà là con đẻ của ông Nông Văn T, thuộc hàng thừa kế thứ nhất nhưng lại không có tên được chia di sản của ông T trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Tại biên bản làm việc ngày 05/12/2017 giữa bà Nông Thị L và Phòng công chứng số 1 thể hiện: *Tại buổi làm việc bà Nông Thị L xuất trình bản chính chứng minh nhân dân, giấy khai sinh. Qua các giấy tờ bà L cung cấp, chứng minh được bà L là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nông Văn T mà trong văn bản thỏa thuận những thành viên đã khai thiếu người thừa kế*.

- Đối chiếu với hồ sơ yêu cầu công chứng thấy: Khi yêu cầu công chứng những người yêu cầu đã nộp các giấy tờ để chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản của người để lại di sản và các giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản theo quy định của pháp luật về thừa kế. Tuy nhiên trong các giấy tờ cung cấp cho Phòng công chứng khi yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận chia di sản không thể hiện có thêm người thừa kế là bà Nông Thị L. Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nông Văn D, bà Nông Thị L1 đều thống nhất cho rằng lúc làm hồ sơ có nói với Công chứng viên là còn có thêm một người thừa kế nữa là bà Nông Thị L, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ việc bà Đ, ông D, bà L1 không chứng minh được là khi yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế còn thiếu một người thuộc diện được hưởng di sản thừa kế. Hơn nữa trong văn bản thỏa thuận chia di sản những người yêu cầu công chứng đã cam kết là không có thêm người thừa kế nào khác ngoài các ông bà trên. Việc các ông bà Đ, D, L1 yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối.

Tại Biên bản lấy lời khai ông Dương Đức B là công chứng viên trực tiếp công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế xác định: Khi yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế bà Đ, ông D, bà L1 không nói cho công chứng viên biết những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nông Văn T còn có thêm bà L. Việc cung cấp các chứng cứ và các giấy tờ để chứng minh những người thuộc diện được hưởng di sản thừa kế của ông Nông Văn T là do gia đình bà Đ cung cấp cho Phòng Công chứng để chứng minh mối quan hệ và xác định hàng thừa kế. Mặt khác bà Đ, ông D, bà L1 cũng không có căn cứ chứng minh việc trong quá trình yêu cầu công chứng có thể hiện với công chứng viên biết về việc còn có thêm người thừa kế, cũng không có yêu cầu công chứng viên đi xác minh trường hợp có thêm người thừa kế. Công chứng viên đã tiến hành niêm yết văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế tại địa phương nơi có tài sản của người để lại di sản theo đúng quy định của Luật Công chứng.

- Xét thấy về trình tự, thủ tục, hình thức văn bản Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện công chứng "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" đúng theo quy định tại các Điều 40, Điều 41, Điều 57/ Luật công chứng và Điều 18 Nghị định 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng. Tuy nhiên, trong biên bản niêm yết có ghi bà Nguyễn Thị Đ, ông Nông Văn D, bà Nông Thị L1 được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nông Văn Khánh chứ không phải của ông Nông Văn T. Hội đồng phiên họp thấy đây là lỗi sai sót do công chứng viên kiểm tra không kỹ trong quá trình niêm yết, tuy nhiên văn bản này vẫn ghi di sản

của người để lại di sản vẫn ghi là ông Nông Văn T. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lý do này để tuyên văn bản công chứng vô hiệu là chưa chính xác.

- Về lời chứng của công chứng viên: Lời chứng của công chứng viên trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Công chứng.

- Về các chủ thể tham gia giao dịch: Việc bà L cho rằng Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn thiếu trách nhiệm trong việc bỏ sót tên bà trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản dẫn đến quyền lợi của bà bị ảnh hưởng. Hội đồng phiên họp phúc thẩm nhận thấy khi yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản gia đình bà gồm mẹ là bà Đ, anh chị là ông D, bà L1 đã không khai tên bà trong danh sách những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, cũng như không yêu cầu Công chứng viên xác minh đối với trường hợp của bà tức là đã có hành vi gian dối trong quá trình yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Việc bà Đ, ông D, bà L1 khai rằng do thiếu hiểu biết và do Công chứng viên nói rằng bà L không có tên trong hộ khẩu gia đình nên không cần cho bà L vào tham gia trong quá trình thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là không có căn cứ vì sổ hộ khẩu gia đình cũng chỉ có tên bà Đ, ông D còn bà L1 cũng không có tên trong cùng sổ hộ khẩu. Hơn nữa các chủ thể tham gia giao dịch đều là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; không có nhược điểm về thể chất, tinh thần, khi yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc nên việc bỏ sót bà L trong danh sách những người được hưởng di sản thừa kế là lỗi của những người yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Do vậy Hội đồng phiên họp thấy Phòng Công chứng số 1 kháng cáo đề nghị xem xét lại đối với Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2020/QĐST-VDS ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B về việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo việc xem xét tư cách tham gia tố tụng của ông Dương Đức B là công chứng viên chứng nhận văn bản thỏa thuận phân chia di sản: Do quyết định sơ thẩm có vi phạm, đối với yêu cầu này tòa án sẽ xem xét tư cách tham gia tố tụng của ông B khi thụ lý giải quyết lại ở vụ án dân sự.

[4] Về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu: Theo quy định tại Điều 400 của Bộ luật tố tụng dân sự khi tuyên văn bản công chứng vô hiệu Tòa án phải quyết định về hậu quả pháp lý của việc tuyên văn bản công chứng vô hiệu. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định văn bản công chứng số 616, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu nhưng lại không quyết định về hậu quả pháp lý của giao dịch này. Trong hồ sơ cũng không thể hiện việc Tòa án đã giải thích về hậu quả của việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu cho các đương sự biết cũng không hỏi các đương sự về việc yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại cấp phúc thẩm người đại diện của bà L có ý kiến đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải thích về hậu quả pháp lý về việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu nhưng không ghi thành biên bản và ông N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả. Tuy nhiên hội đồng phiên họp phúc thẩm nhận thấy những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là bà Đ, ông D, bà L1 và Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn chưa được giải thích về việc giải quyết hậu quả pháp lý khi văn bản

công chứng vô hiệu là ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của họ. Tại phiên họp phúc thẩm đại diện Phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn, bà Đ, ông D yêu cầu phải giải quyết hậu quả pháp lý khi tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Mặt khác việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và vợ chồng ông Nguyễn Đình M, bà Nguyễn Thị T tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng bởi tài sản trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản là tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng và di sản thừa kế đã được chuyển nhượng một phần cho ông M, bà T để trả nợ cho Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn nên việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu nhưng Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và ông M, bà T không tham gia tố tụng là đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của Ngân hàng C Việt Nam và ông M, bà T.

[5] Bà Nông Thị L có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu do việc công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà. Qua xem xét ngoài việc ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L còn ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và ông M, bà T. Hơn nữa tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2019 người đại diện cho bà L là ông Trần Văn N yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng thỏa thuận chia di sản thừa kế số số 616, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu và yêu cầu Phòng công chứng số 1 phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án do Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn xác định đã làm đúng quy định pháp luật về việc công chứng hồ sơ nên không đồng ý với yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu của bà L. Như vậy quá trình giải quyết việc dân sự có tranh chấp về hoạt động công chứng. Do đó yêu cầu của bà L tòa án cấp sơ thẩm phải giải quyết theo thủ tục vụ án dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 11 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự mới là chính xác.

[6] Từ những nhận định trên nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng quan hệ pháp luật và không giải quyết hậu quả pháp lý về việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; không đưa Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và vợ chồng ông M, bà T tham gia tố tụng đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Cần hủy quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-VDS ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Về lệ phí:

- Lệ phí sơ thẩm: Sẽ xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Lệ phí phúc thẩm: Phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn không phải chịu lệ phí dân sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm c khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của Phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn.

2. Hủy Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-VDS ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3.Về lệ phí:

- Lệ phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Lệ phí phúc thẩm: Phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn không phải chịu lệ phí dân sự phúc thẩm. Trả lại 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí phúc thẩm cho Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn theo biên lai thu số 0000026 ngày 04/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- TAND thành phố B
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG PHIÊN HỌP
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đàm Thị Minh Hường